TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lâm Văn Đ; cư trú tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim O; ĐKTT: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Lâm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn Đ và chị Trần Thị Kim O kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 12 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ anh Lâm Văn Đ ở thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh

phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không có khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 7 năm 2021, chị Trần Thị Kim O đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn C, xã N sống ly thân với anh Lâm Văn Đ; không ai còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay anh Lâm Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Kim O.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lâm Hà M - sinh ngày 17 tháng 12 năm 2020. Ly hôn anh Lâm Văn Đ đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Trần Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị Kim O 3.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, anh Lâm Văn Đ đồng ý với mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị Kim O là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh Lâm Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2022, bị đơn chị Trần Thị Kim O trình bày:

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng như anh Lâm Văn Đ trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Lâm Văn Đ có quan hệ ngoài tình với người phụ nữ khác; vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà với nhau. Nay anh Lâm Văn Đ xin ly hôn, chị Trần Thị Kim O xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh Lâm Văn Đ đã trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, chị Trần Thị Kim O đề nghị được nuôi con chung và anh Lâm Văn Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Ly hôn, chị Trần Thị Kim O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Lâm Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Kim O; về con chung, giao con chung Lâm Hà M - sinh ngày 17 tháng 12 năm 2020 cho chị Trần Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng và anh Lâm Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị

Trần Thị Kim O 5.000.000 đồng/tháng; thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Lâm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn, chị Trần Thị Kim O có nơi cư trú thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Chị Trần Thị Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Kim O.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định anh Lâm Văn Đ và chị Trần Thị Kim O kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 12 năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, việc chị Trần Thị Kim O trình bày vợ chồng vẫn sống chung cùng nhà là không đúng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Lâm Văn Đ và chị Trần Thị Kim O đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lâm Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Kim O. Chị Trần Thị Kim O không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của chị Trần Thị Kim O.

[3] Về con chung: Anh Lâm Văn Đ và chị Trần Thị Kim O có 01 con chung Lâm Hà M - sinh ngày 17 tháng 12 năm 2020. Ly hôn các bên đương sự đều có quan điểm chị Trần Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh Lâm Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị Kim O 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, quan điểm của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về khoản tiền lãi chậm thi hành án: Các bên đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất chậm thi hành án. Nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên cho đến khi thi hành xong, nếu bị đơn chậm thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Anh Lâm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lâm Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Kim O.

2. Về con chung: Giao con chung Lâm Hà M - sinh ngày 17 tháng 12 năm 2020 cho chị Trần Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lâm Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị Kim O 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng/tháng).

Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lâm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước. Anh Lâm Văn Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004058 ngày 23 tháng 12 năm 2021) nên phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A, huyện A (ĐKKH số 69/2014);
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch